TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 189/2024/DS-ST
Ngày 05-7-2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Hồ Quang Minh**

2. Ông **Trần Hoàng Nghiệp**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Huỳnh Hiếu Nghĩa** – Thư ký viên, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 326/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Công ty TNHH C1. Địa chỉ: Quốc lộ A, xã M, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật:

Ông **NAM KI DON** – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền – theo Giấy uỷ quyền số 10.01.2024 UQ-CJ ngày 10/01/2024 - đề nghị xét xử vắng mặt:

Ông **Phan Hoàng H**.

Ông **Dương Hiển D**.

Ông **Phan Linh C**.

2. Bị đơn – Có mặt:

Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1979, địa chỉ cư trú: ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn: **Công ty TNHH C1** trình bày:

Giữa, Công ty TNHH C1 (gọi tắt: Công ty) với ông Nguyễn Văn N có xác lập Hợp đồng số: 1106823/MDS4/2022/HĐ-CJVA ngày 17/02/2022, theo đó:

Công ty cung cấp mua bán thức ăn chăn nuôi thuỷ sản cho ông N, hợp đồng có thời hạn đến ngày 31/12/2022. Ông N đã nhận hàng và thanh toán tiền bình thường cho Công ty.

Đến ngày 27/02/2022, phía ông N có đề nghị Công ty H1 công nợ 100.000.000 đồng để mua hàng, thời gian thanh toán cho khoản nợ này là ngày 27/3/2022. Tuy nhiên, sau khi nhận hàng và đến thời hạn thanh toán thì ông N đã không thanh toán tiền hàng cho Công ty.

Đến ngày 06/10/2023, ông N có xác nhận còn nợ Công ty số tiền 60.000.000 đồng nhưng đến nay ông N vẫn cố tình không thanh toán số tiền hàng còn thiếu cho Công ty.

Nay, Công ty TNHH C1 khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời giải quyết buộc ông Nguyễn Văn N thanh toán cho Công ty, như sau:

- Nợ gốc: 60.000.000 đồng.

- Lãi suất chậm thanh toán theo khoản 2.4 – Điều 2 của Hợp đồng là 1,2%/tháng, tính từ ngày 28/3/2022 đến ngày khởi kiện = 60.000.000 đồng x 1,2% x 22 tháng = 15.840.000 đồng.

- Phạt vi phạm Hợp đồng theo điểm 6.3.1 và khoản 6.3 – Điều 6 của Hợp đồng là 1,0%/tháng, tính từ ngày 28/3/2022 đến ngày khởi kiện = 60.000.000 đồng x 1,0% x 22 tháng = 13.200.000 đồng.

Tổng cộng: 89.040.000 đồng.

- Đối với bị đơn: Ông **Nguyễn Văn N:**

Khi thụ lý, Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt, niêm yết đúng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn vắng mặt, không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

Vụ án, được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được, do bị đơn vắng mặt.

Tại phiên toà, ông N có mặt và đồng ý trả nợ cho Công ty TNHH C1 số tiền như Công ty đã khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng**:

Về sự vắng mặt của đương sự:

Đối với: Ông Phan Hoàng H, ông Dương Hiển D và ông Phan Linh C (là người được nguyên đơn Công ty TNHH C1 uỷ quyền) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, cần xét xử vắng mặt đối với ông H, ông D, ông C là phù hợp.

Về quan hệ pháp luật:

Được xác định là "Tranh chấp hợp đồng mua bán", đồng thời bị đơn là ông Nguyễn Văn N có nơi cư trú tại ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau. Từ đó, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] **Về nội dung tranh chấp**:

Tại Đơn khởi kiện ngày 23/01/2024, Công ty TNHH C1 khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn N thanh toán cho Công ty, như sau:

- Nợ gốc: 60.000.000 đồng.

- Lãi suất chậm thanh toán theo khoản 2.4 – Điều 2 của Hợp đồng là 1,2%/tháng, tính từ ngày 28/3/2022 đến ngày khởi kiện = 60.000.000 đồng x 1,2% x 22 tháng = 15.840.000 đồng.

- Phạt vi phạm Hợp đồng theo điểm 6.3.1 và khoản 6.3 – Điều 6 của Hợp đồng là 1,0%/tháng, tính từ ngày 28/3/2022 đến ngày khởi kiện = 60.000.000 đồng x 1,0% x 22 tháng = 13.200.000 đồng.

Tổng cộng: 89.040.000 đồng.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, Công ty TNHH C1 có cung cấp tài liệu, chứng cứ như sau:

- Hợp đồng số: 1106823/MDS4/2022/HĐ-CJVA ngày 17/02/2022, thể hiện: Đại diện Bên B – ký họ tên: Nguyễn Văn N.

- Giấy đề nghị công nợ ngày 25/02/2022, thể hiện: Đại diện khách hàng - ký họ tên: Nguyễn Văn N.

- Xác nhận công nợ ngày 06/10/2023, thể hiện: Khách hàng ký và ghi rõ họ tên: Nguyễn Văn N.

Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên toà ông N đồng ý trả cho Công ty V tổng số tiền 89.040.000 đồng.

Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH C1, buộc ông N phải có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH C1 với tổng số tiền 89.040.000 đồng.

[3] **Về án phí**:

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông N phải nộp án phí dân sự có giá ngạch số tiền 4.452.000 đồng (89.040.000 đồng x 5%).

Đối với Công ty TNHH C1 có dự nộp án phí nên được nhận lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 440 của Bộ luật D1 sự2015.

Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH C1.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn N phải có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH C1 số tiền 89.040.000 đồng – T mươi chín triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án không thi hành xong khoản tiền trên, thì người bị thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2/ Về án phí:

Buộc ông Nguyễn Văn N phải nộp án phí dân sự số tiền 4.452.000 đồng – Bốn triệu bốn trăm năm mươi hai ngàn đồng.

Công ty TNHH C1 được nhận lại án phí số tiền 2.226.000 đồng – Hai triệu hai trăm hai mươi sáu ngàn đồng, tại Biên lai thu 4880 ngày 19/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

3/ Về quyền kháng cáo:

Ông Nguyễn Văn N được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đối với Công ty TNHH C1được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự (02b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thành Quang